

Số: 11/2025/QĐST-HNGĐ

Quảng Ninh, ngày 05 tháng 9 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - QUẢNG NINH

Căn cứ khoản 2 Điều 29, điểm h khoản 2 Điều 39, khoản 2 Điều 149, Điều 212, 213, khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 của Luật số: 85/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự về sửa đổi, bổ sung Điều 35;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí;

Căn cứ Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ khoản 3 Điều 37 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 15/2025/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2025 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự*: chị Nguyễn Thị S, sinh năm 1994, số: CCCD: 022194000171 và anh Bé Văn L, sinh năm 1991, số: CCCD: 020091009289; cùng nơi cư trú: Phố T, xã Đ, tỉnh Quảng Ninh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị S và anh Bé Văn L chung sống với nhau từ năm 2015, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Ninh. Việc đăng ký kết hôn tự nguyện, không bị lừa dối, cưỡng ép. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Sau thời gian chung sống phát sinh mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng không tốt đẹp, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của anh, chị là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 55 của Luật Hôn nhân và Gia đình, cần được công nhận.

[2] Về con chung: chị Nguyễn Thị S và anh Bé Văn L có 03 (ba) con chung

là Bé Quang M, sinh ngày 11/9/2015, Bé Quang T, sinh ngày 22/9/2019 và Bé Quang V, sinh ngày 10/12/2022. Anh chị thống nhất thỏa thuận như sau: chị S là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Bé Quang V cho đến khi thành niên, anh L là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Bé Quang M và Bé Quang T đến khi thành niên. Về cấp dưỡng nuôi con khi ly hôn, anh chị không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Thỏa thuận của anh chị hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với nguyện vọng và điều kiện sinh sống của các con chung, nên cần được chấp nhận.

[3] Về tài sản chung: không yêu cầu công nhận.

[4] Về nợ chung: không có.

[5] Về lệ phí Tòa án: chị Nguyễn Thị S tự nguyện chịu toàn bộ lệ phí theo quy định của pháp luật.

Việc thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 28 tháng 8 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập Biên bản hoà giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị S và anh Bé Văn L thuận tình ly hôn.
- Về con chung: anh Bé Văn L là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Bé Quang M và Bé Quang T cho đến khi thành niên, chị Nguyễn Thị S là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Bé Quang V cho đến khi thành niên. Về cấp dưỡng nuôi con khi ly hôn, hai đương sự không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Chị Nguyễn Thị S và anh Bé Văn L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định của pháp luật.
- Về tài sản chung: không yêu cầu công nhận.
- Về khoản nợ chung: không có.

2. Về lệ phí Tòa án: chị Nguyễn Thị S tự nguyện chịu cả 300.000^d (ba trăm nghìn đồng) tiền lệ phí dân sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sơ thẩm đã nộp là 300.000^d (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0000633 ngày 15/8/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ninh. Chị Nguyễn Thị S đã nộp đủ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trong trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND cùng cấp;
- UBND xã Đầm Hà;
- Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ninh ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Hoàng Đình Khoa